

# Thực trạng trang bị và sử dụng thiết bị dạy học môn Ngữ văn 6 năm học 2021 – 2022

**Phạm Thị Hằng**

Email: hangpt@gesd.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

**Tóm tắt:** Thiết bị dạy học đóng một vai trò quan trọng trong dạy học của giáo viên và học sinh. Thiết bị dạy học giúp cho học sinh hiểu bài sâu hơn, tăng hứng thú học tập, ghi nhớ kiến thức nhanh hơn. Để mang lại hiệu quả khi sử dụng thiết bị dạy học cần sử dụng đúng mục đích, đúng lúc, đúng chỗ, đúng mức độ và cường độ. Thiết bị dạy học môn Ngữ văn lớp 6 góp phần hỗ trợ cho giáo viên và học sinh tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đã hình thành ở cấp Tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn ở cấp Trung học cơ sở. Do vậy, việc nghiên cứu thực trạng trang bị và sử dụng thiết bị dạy học là việc làm cần thiết để từ đó đưa ra những khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng dạy học Ngữ văn nói chung và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học Ngữ văn, Chương trình Ngữ văn, trung học cơ sở.

## 1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) mới hay Chương trình GDPT 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; đổi mới từ mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá kết quả giáo dục đã được ban hành vào tháng 12/2018. Với vai trò quan trọng của thiết bị dạy học (TBDH) như: gợi động cơ học tập; kiến tạo tri thức; kích thích hứng thú học tập của học sinh; tổ chức, điều khiển quá trình học tập; phát triển năng lực hợp tác từng HS; rèn luyện kĩ năng, đem lại cảm xúc cho HS... [1] cho nên khi ban hành Chương trình GDPT 2018, Bộ GD&ĐT đã tiến hành song song ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu phù hợp với nội dung chương trình từng môn học. Như Thông tư số 38/2021/ TT- BGDĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở, Thông tư số 44/2020/TT- BGDĐT Ban hành Danh mục TBDH tối thiểu lớp 6. Điều đó thể hiện sự nghiêm túc, chặt chẽ trong công tác chỉ đạo và xây dựng kế hoạch triển khai chương trình GDPT 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

Bên cạnh việc phát triển các năng lực và phẩm chất chung, Ngữ văn là môn học giúp các em hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học [2]. TBDH có vai trò quan trọng trong dạy học, giúp nâng cao hứng thú cho HS, giúp ghi nhớ kiến thức lâu hơn, góp phần hỗ trợ hình thành và phát triển những năng lực chung và riêng đó.

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về thực trạng trang bị và sử dụng TBDH môn Ngữ văn lớp 6 tại 9 tỉnh, thành phố trong cả nước từ đó để xuất một số khuyến nghị về trang bị và sử dụng TBDH môn Ngữ văn 6 làm cơ sở để có những điều chỉnh cho phù hợp trong những năm học tới.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý số liệu

Để nghiên cứu thực trạng về trang bị và sử dụng TBDH lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018 năm học 2021 - 2022 nhóm đã tìm hiểu danh mục TBDH môn Ngữ văn 6 và thấy rằng: Về loại hình có hai loại: 1 – Tranh, ảnh: hình ảnh một số truyện tiêu biểu, mô hình hóa các thành tố của văn bản truyện; Bìa sách một số cuốn Hồi kí và du kí nổi tiếng; Mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận; Mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin, Mô hình hóa quy trình viết 1 văn bản; Sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản; Sơ đồ mô hình một số kiểu văn bản có trong chương trình; 2 – Video/clip/phim: Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên; Video/clip/phim tư liệu về văn học dân gian Việt Nam; Video/clip/ phim tư liệu về thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Video/clip/ phim tư liệu về thơ của Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám; Video/clip/ phim tư liệu về tác giả Nguyễn Tuân [3]. Nhóm đã thiết kế bộ phiếu hỏi bao gồm 3 phiếu giành cho ba đối tượng: cán bộ quản lí (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên thiết bị (NVTB). Nội dung của phiếu hỏi như sau: 1. Công tác quản lí (văn bản hướng dẫn, sự phù hợp của văn bản, ý kiến (để xuất) của các đối tượng về văn bản; Việc tổ chức mua sắm TBDH ở các trường...); 2. Thực trạng trang bị TBDH (thời điểm nhận TBDH, số lượng TBDH, chất lượng TBDH...); 3. Thực trạng sử dụng TBDH (Mức độ sử dụng TBDH so với yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, Hình thức sử dụng TBDH, Hiệu quả của các cách thức sử dụng TBDH, mức độ hứng thú của HS); 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến trang bị và sử dụng TBDH (bảo quản TBDH, tập huấn sử dụng TBDH, kiểm tra việc sử dụng và bảo quản TBDH). Theo Công văn số 505/CV-VKHGDVN nhóm khảo sát tiến hành khảo sát trực tuyến thời gian từ 30/8-10/9 tại 9 tỉnh đại diện cho các vùng, miền: Lào Cai, Lai Châu, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Kon Tum, Long An, Cần Thơ, Kiên Giang. Nhóm nghiên cứu thu nhận được số lượng phiếu như sau: 596 phiếu CBQL, 7113 phiếu GV, 436 phiếu NVTB.

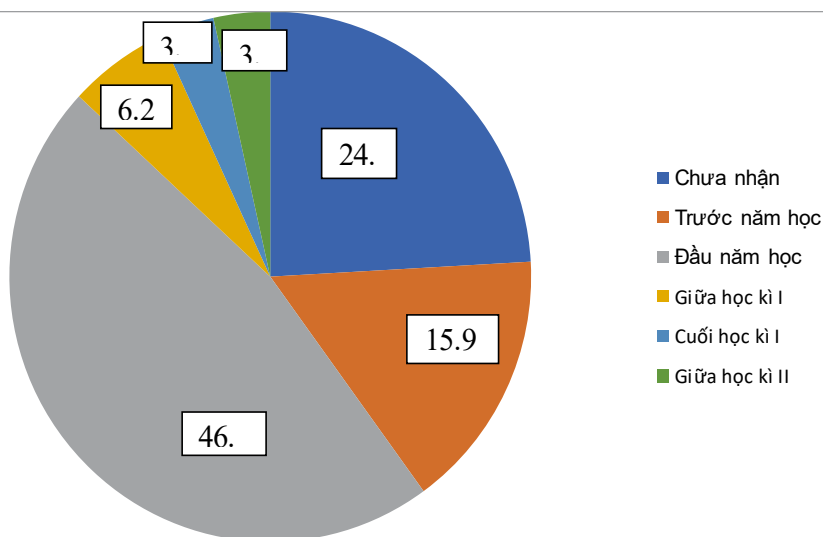
Số liệu thu được từ phiếu hỏi được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm SPSS và Excel là cơ sở để phân tích tình hình trang bị, sử dụng TBDH môn Ngữ văn 6. Thêm vào đó là thu thập dữ liệu từ những đề xuất, kiến nghị, phỏng vấn giáo viên từ đó để xuất một số kiến nghị về trang bị và sử dụng TBDH môn Ngữ văn 6 trong những năm học tiếp theo.

### 2.2. Kết quả khảo sát

#### 2.2.1. Thực trạng trang bị thiết bị dạy học môn Ngữ văn 6 năm học 2021 – 2022

Khảo sát về việc nắm bắt, hiểu biết các thông tư, văn bản chúng tôi nhận thấy: CBQL, GV, NVTB được hỏi đều biết đến những văn bản, quy định, thông tư... mà ngành Giáo dục đã ban hành. Các đối tượng trên đều đánh giá các văn bản, thông tư này phù hợp với yêu cầu của chương trình môn học. Hình thức trang bị TBDH của các trường chủ yếu là mua tập trung theo Phòng GD-ĐT. Với sự tham gia của các thành phần: CBQL, GV và NVTB. Theo quy trình để đảm bảo đủ về số lượng TBDH chúng ta cần tiến hành những bước như sau: Rà soát, đánh giá thực trạng TBDH; Đối chiếu với danh mục TBDH tối thiểu mới; Đề xuất danh mục TBDH cần mua sắm.

- Thời điểm nhận TBDH: Qua nhận xét của GV chúng tôi có biểu đồ sau:



Biểu đồ 1. Ý kiến của GV về thời điểm nhận TBDH môn Ngữ văn 6 năm học 2021 - 2022

Biểu đồ 1 cho thấy, TBDH môn Ngữ văn 6 được trang bị vào đầu năm học chiếm tỉ lệ cao nhất là 46.9%; trước năm học là 15.9%. TBDH có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học. Do vậy, khi ban hành Chương trình GDPT 2018 Bộ GD&ĐT phải ban hành song song danh mục TBDH tối thiểu để đáp ứng yêu cầu của chương trình. Tuy nhiên, khi khảo sát thì chúng tôi nhận thấy, TBDH cho đến khi kết thúc năm học vẫn có trường chưa được nhận chiếm tỉ lệ tương đối cao là 24.1%. Có những trường giữa học kì II mới được nhận TBDH. Do vậy, với tình trạng trang bị thiết bị không kịp thời đã ảnh hưởng rất lớn đến phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học của GV.

- Số lượng TBDH:

Bảng 1. Ý kiến của GV về trang bị TBDH môn Ngữ văn theo yêu cầu tối thiểu

Đối tượng	Mức độ được trang bị (%)			
	Chưa trang bị	Không đủ theo quy định tối thiểu	Đủ so với quy định tối thiểu	Vượt so với quy định tối thiểu
GV	15.7	21.5	61.5	0.6

Qua bảng thống kê chúng tôi nhận thấy, số lượng TBDH được trang bị được đánh giá đủ so với quy định tối thiểu chiếm tỉ lệ cao đạt 51.7%. Tuy nhiên, số lượng TBDH chưa được trang bị cũng chiếm tỉ lệ cao vẫn còn 15.7%, trang bị không đủ theo quy định chiếm 21.5%.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của danh mục TBDH tối thiểu lớp 6

Qua phân tích số liệu chúng tôi có Bảng 2:

Bảng 2. Ý kiến của GV về mức độ đáp ứng của TBDH môn Ngữ văn 6 theo yêu cầu của Danh mục TBDH tối thiểu

TBDH	Mức độ đáp ứng (%)				
	Chưa trang bị	Hoàn toàn không đáp ứng	Đáp ứng một phần	Đáp ứng được	Đáp ứng tốt
Môn Ngữ văn 6	15.7	3.5	41.5	36.3	3.0

Phần lớn GV (41.5%) đánh giá TBDH môn Ngữ văn 6 mới đáp ứng được một phần. Tỷ lệ đánh giá mức đánh giá tốt rất thấp chỉ chiếm 3.0%.

- Về sự phù hợp của TBDH môn Ngữ văn: chúng tôi nhận được nhiều ý kiến của GV. Với môn Ngữ văn có hai loại hình TBDH là tranh ảnh và video, clip/phim. Nền "hạn chế tranh ảnh bởi vì bây giờ GV phần lớn sử dụng giáo án điện tử nên tranh ảnh không còn phù hợp". GV mong muốn có quy định và cung cấp và trang bị TBDH theo từng bài học như trước đây.

### 2.2.2. Thực trạng sử dụng thiết bị dạy học môn Ngữ văn 6 năm học 2021 – 2022

- Mức độ sử dụng TBDH môn Ngữ văn so với yêu cầu của Chương trình GDPT 2018

Dựa vào nguồn số liệu đã khảo sát chúng tôi có Bảng 3:

Bảng 3. Đánh giá mức độ sử dụng TBDH môn Ngữ văn so với yêu cầu của chương trình GDPT 2018

Loại hình TBDH	Mức độ sử dụng so với yêu cầu (%)			
	Không sử dụng	Sử dụng một phần so với yêu cầu	Sử dụng đủ so với yêu cầu	Sử dụng nhiều hơn so với yêu cầu
Môn Ngữ văn 6	5.2	24.7	66.3	3.8

Qua bảng số liệu cho chúng ta thấy, mức độ sử dụng TBDH môn Ngữ văn cơ bản được đánh giá sử dụng đủ so với yêu cầu là 66.3%. Sử dụng một phần so với yêu cầu là 24.7%.

- Đánh giá mức độ của các hình thức sử dụng TBDH

Bảng 3 cho thấy, mức độ sử dụng các hoạt động sử dụng TBDH được đánh giá ở mức độ thường xuyên, khá thường xuyên chiếm tỉ lệ cao. Cụ thể, GV sử dụng để hướng dẫn dạy học với mức độ thường xuyên chiếm 46.5%; Khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông với mức độ thường xuyên là 45.5%. Tuy nhiên, nhìn vào số liệu nhận thấy, thỉnh thoảng GV tổ chức cho HS tham gia làm TBDH chiếm tỉ lệ cao 42,0%.

Bảng 4. Mức độ của các hình thức sử dụng TBDH

Phương pháp, hình thức sử dụng	Mức độ sử dụng(%)				
	Không sử dụng	Thỉnh thoảng	Khá thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Giáo viên sử dụng để hướng dẫn dạy học	2.3	10.5	36.2	46.5	4.5
Tổ chức cho học sinh tham gia làm TBDH	9.9	42.0	22.5	24.0	1.5
Sử dụng TBDH linh hoạt trong và ngoài lớp học	34.6	22.8	34.6	36.1	2.6
Phối hợp các loại hình TBDH	33.8	23.2	33.8	36.7	2.3
Khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông	2.0	11.3	32.9	45.5	8.3
Sử dụng TBDH trong đánh giá	4.4	22.3	32.9	37.6	2.8

Vai trò của TBDH là kích thích hứng thú học tập của HS, thỏa mãn nhu cầu nhận thức của đối tượng HS. Để đánh giá mức độ hứng thú của HS khi sử dụng TBDH môn Ngữ văn 6, chúng tôi tiến hành khảo sát và nhận được kết quả cụ thể như ở Bảng 5:

Bảng 5. Mức độ hứng thú của HS khi sử dụng TBDH môn Ngữ văn

TBDH	Mức độ hiệu quả (%)				
	Không hứng thú	Hứng thú một phần	Khá hứng thú	Hứng thú	Rất hứng thú
Môn Ngữ văn 6	1.3	17.5	49.6	6.9	4.8

Bảng 5 cho thấy, HS đánh giá mức độ hứng thú khi sử dụng TBDH từ khá hứng thú (49.6%) đến hứng thú (26.9%). Khi được hỏi thì các em HS tỏ ra hứng thú khi được sử dụng những video, clip/phim về các nhà văn, nhà thơ, về những nội dung có liên quan đến bài học hơn là tranh ảnh.

### 2.2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến trang bị và sử dụng thiết bị dạy học

#### a) Việc trang bị

- Việc trang bị TBDH đúng, đủ theo danh mục và đúng thời điểm sẽ quyết định rất nhiều đến chất lượng dạy học. Theo kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các đối tượng CBQL, GV, NVTB đều là những người tham gia vào quá trình trang bị/mua sắm nhưng hiện nay chưa có một quy trình chuẩn nào, mỗi một cơ sở giáo dục sẽ có cách thực hiện khác nhau. Có nhiều trường là do cấp trên đưa xuống, không xuất phát từ đề xuất mong muốn của nhà trường.

- Về loại hình TBDH môn Ngữ văn 6 thì loại hình tranh, ảnh vẫn nhiều, loại hình TBDH này hiện không còn phù hợp khi GV ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng điện tử rất phổ biến.

- Số lượng TBDH mới chỉ đáp ứng đủ hoặc thậm chí thiếu so với quy định tối thiểu là do giá thành TBDH còn cao, nhiều địa phương không đủ kinh phí để mua cấp cho các trường được đầy đủ. Hoặc nguyên nhân do các nhà trường cho rằng TBDH các môn Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Sinh học, Lịch sử và Địa lí... thì cần thiết hơn môn Ngữ văn nên có nhiều nhà trường không đăng kí mua TBDH môn Ngữ văn.

- Chất lượng của TBDH hiện nay vẫn chưa có đơn vị nào thẩm định nên rất khó khăn cho các cấp quản lí và nhà trường khi lựa chọn. Mỗi nhà sản xuất sẽ tự làm TBDH theo chương trình GDPT 2018, trong thời gian gấp rút từ khi ban hành chương trình, ban hành danh mục TBDH tối thiểu để đưa vào nhà trường khiến cho công tác thẩm định cũng gặp không ít khó khăn.

### *b) Việc sử dụng TBDH*

Để sử dụng TBDH hiệu quả, GV cần phải được tập huấn về cách sử dụng TBDH và các nội dung cần dùng TBDH trong môn học. Khi được hỏi về cách sử dụng TBDH nhiều GV cho rằng “không biết sử dụng TBDH vì chưa được tập huấn”, hoặc “tập huấn thời gian ngắn, một buổi tập huấn làm nhiều TBDH nên chưa sâu” ... Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, có 25.5% GV chưa được tập huấn. Và tập huấn tích hợp nhiều nội dung trong một đợt tập huấn chiếm tỉ lệ 74.5%. Thời gian tập huấn thường ngắn: ½ ngày, 1-2 ngày do các đơn vị: Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT,, đơn vị cung cấp TBDH. Khi đánh giá về mức độ hiệu quả của hoạt động tập huấn thì phần lớn GV đánh giá ở mức tương đối hiệu quả.

## **3. Kết luận**

Qua khảo sát, phỏng vấn và phân tích số liệu về thực trạng trang bị và sử dụng TBDH môn Ngữ văn 6 năm học 2021 – 2022 tại 9 tỉnh, thành phố trong cả nước chúng tôi đưa ra những nhận định sau:

- Về thời điểm nhận TBDH: mới có khoảng gần 50% số trường được nhận TBDH môn Ngữ văn 6 vào đầu năm học. Vẫn có nhiều trường kết thúc năm học rồi vẫn chưa nhận được TBDH. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dạy và học của GV và HS.

- Số lượng TBDH: Qua số liệu và phỏng vấn phần lớn GV cho rằng, số lượng TBDH môn Ngữ văn 6 cơ bản đã đáp ứng đủ (61.5%), tuy nhiên tỉ lệ số lượng TBDH môn Ngữ văn 6 còn thiếu so với quy định bởi giá thành của TBDH quá cao, địa phương, nhà trường không đủ kinh phí để trang bị đủ hoặc vượt so với quy định. Và do quan niệm cho rằng TBDH môn Ngữ văn không cần thiết như những môn học khác nên không đầu tư trang bị.

- Loại hình TBDH môn Ngữ văn 6 phần lớn vẫn chỉ là tranh, ảnh. Hiện nay loại hình này không còn phù hợp nên không được sử dụng nhiều; nhiều GV mong muốn tranh, ảnh là bản mềm để thuận tiện trong sử dụng thiết kế bài giảng điện tử.

- Chất lượng của TBDH chưa được cơ quan nào đứng ra kiểm định nên khó khăn cho nhà trường khi không biết được TBDH nào đạt chất lượng để đầu tư trang bị.

- Cơ sở vật chất, các thiết bị điện tử, thiết bị nghe nhìn còn thiếu để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

Từ đó, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị về trang bị và sử dụng TBDH môn Ngữ văn như sau:

*Thứ nhất*, đối với Bộ GD&ĐT, cần tổ chức thẩm định các mẫu TBDH môn Ngữ văn 6 (về chất lượng, sự phù hợp, hiệu quả sử dụng) do các công ty sản xuất trước khi cho sản xuất đại trà và đưa vào trường học. Ví dụ: Bộ tranh minh họa hình ảnh một số truyện (truyện thuyết, cổ tích, đồng thoại) có đủ minh họa cho các truyện không? Hình vẽ có phù hợp với nội dung truyện không? Các thông số kĩ thuật: kích thước, màu sắc, độ bền của giấy có theo yêu cầu của danh mục TBDH môn Ngữ văn 6 hay không?

- Xây dựng thư viện điện tử: là hình ảnh, video, clip/phim, những bài giảng điện tử mẫu, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, ... để GV trong cả nước có thể truy cập lấy dữ liệu để thiết kế giáo án điện tử. Hoặc những video hướng dẫn sử dụng TBDH cụ thể minh họa trong những bài học cụ thể.

- Tổ chức tập huấn: phù hợp với từng đối tượng; thời gian nhiều hơn, tách các nội dung tập huấn riêng, sát với yêu cầu của chương trình môn Ngữ văn 6 2018. Cần có chuyên gia môn học tập huấn chuyên sâu cho GV về sử dụng TBDH môn Ngữ văn 6.

*Thứ hai*, đối với Sở, Phòng GD&ĐT, cần lập kế hoạch trang bị TBDH cho các nhà trường đúng quy trình đảm bảo kịp thời, đủ số lượng và chất lượng theo yêu cầu của danh mục TBDH.

- Tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục tăng cường công tác xã hội hóa trong giáo dục trong việc trang bị/mua sắm TBDH để đảm bảo có đủ kinh phí mua TBDH kịp thời, đúng thời điểm, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng.

*Thứ ba*, đối với các cơ sở giáo dục cần tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục trong trang bị TBDH, thiết bị điện tử, thiết bị nghe nhìn để đảm bảo mỗi lớp học đều có tivi, hoặc máy chiếu; ngoài ra có thể trang bị thêm những thiết bị hiện đại: bảng tương tác thông minh... tùy theo điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương.

- Nâng cao trình độ CNTT cho GV qua việc bồi dưỡng sử dụng thành thạo máy tính, các phần mềm dạy học...: việc ứng dụng CNTT vào dạy học Ngữ văn giúp cho bài giảng thêm sinh động, gây cảm giác hứng thú hơn cho HS khi học Ngữ văn. GV biết sử dụng phần mềm dạy học thì có thể cắt ghép những video minh họa vào các nội dung bài học: khi dạy về thể loại truyện đồng thoại, GV có thể cho HS quan sát hình dáng con dế mèn, được tiếng gáy... trong tự nhiên.

- Tạo điều kiện cho GV tham gia vào các khâu lập kế hoạch để trang bị: để GV đề xuất những TBDH cần thiết tránh tình trạng mua về mà không sử dụng.

- Tổ chức phong trào tự làm, cải tiến, sửa chữa TBDH khắc phục tình trạng còn thiếu, chưa có điều kiện mua sắm TBDH môn Ngữ văn 6

*Thứ tư*, đối với GV dạy Ngữ văn 6 cần tăng cường bồi dưỡng năng lực công nghệ thông tin: khai thác thông tin trên Internet, để ngoài TBDH được cung cấp GV có thể tìm những hình ảnh, video/clip/phim phù hợp để đưa vào minh họa cho bài học; sử

dụng thành thạo một số phần mềm dạy học. Ví dụ: GV có thể sử dụng phần mềm iMindMap minh họa mô hình hóa các yếu tố của truyện đồng thoại bằng các nhánh xuất hiện khi GV đề cập đến từng nội dung.

- Cần vận dụng linh hoạt các loại hình TBDH: trong dạy học Ngữ văn 6 GV sử dụng phương pháp dạy học diễn giảng kết hợp với việc linh hoạt sử dụng cả hình ảnh và video/clip/phim để minh họa cho nội dung bài học sẽ giúp cho bài giảng trở nên sinh động, thu hút HS hơn.

- Cần tích hợp kiến thức liên môn và xuyên môn bởi nội dung môn Ngữ văn mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hoá, đạo đức, triết học,... liên quan tới nhiều môn học là hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... Môn Ngữ văn cũng liên quan mật thiết với cuộc sống; giúp học sinh biết quan tâm, gắn bó hơn với đời sống thường nhật, biết liên hệ và có kĩ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn [2]. Ví dụ: Khi dạy đọc hiểu về những văn bản “Cô Tô” – trích, Nguyễn Tuân, “Hang Én” – Hà My, “Cửu Long Giang ta ơi” – Nguyễn Hồng... GV có thể lấy kiến thức của môn Địa lý hoặc những hình ảnh, video về những địa danh là những trải nghiệm của các em về những vùng đất được nhắc đến.

**Lời cảm ơn:** Để hoàn thành bài báo này tác giả xin cảm ơn nhóm nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ thường xuyên số 12 “Nghiên cứu thực trạng trang bị và sử dụng thiết bị dạy học lớp 2, lớp 6 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018” đã hỗ trợ xử lý và phân tích kết quả khảo sát.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đặng Thị Thu Thủy (2011), *Phương tiện dạy học – Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 44/2020/TT- BGDĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6*.

[4] Tô Xuân Giáp (1997), *Phương tiện dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5] Trần Quốc Đắc (2002), *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn của việc xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Vũ Trọng Rỹ (2009), *Một số vấn đề lí luận của việc sử dụng và sáng tạo phương tiện dạy học*, Giáo trình Cao học Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[7] Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[8] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Thông tư số 38/2021/ TT- BGDĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở*.



## THE ACTUAL SITUATION OF EQUIPPING AND USING EQUIPMENT FOR TEACHING GRADE 6 LITERATURE IN THE 2021 – 2022 SCHOOL YEAR

**ABSTRACT:** *Teaching equipment plays an important role in the teaching and learning process of teachers students. It helps students understand the lesson more deeply, increase their interest in learning, and memorize knowledge faster. To be effective when using teaching equipment, it is necessary to use it for the right purpose, at the right time, in the right place, at the right level and intensity. The equipment for teaching grade 6 Literature contributes to supporting teachers and students to keep developing the general competencies, language competence, and literary competence with higher requirements at the junior high schools. Therefore, studying the current situation of equipping and using teaching equipment is necessary to make recommendations to improve the quality of Literature teaching in general and meet the requirements of educational innovation in the current period.*

**KEYWORDS:** *Teaching equipment, equipment for teaching Literature, Literature program, junior high school.*